

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 10 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chiến.
- Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 709/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 728/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 15/8/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/10/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh N không lo được cuộc sống cho vợ con, đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh N không sửa đổi. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 16/02/2013 hiện cháu đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ anh chị.

- Tại bản tự khai anh Nguyễn Quốc N trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị D trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ dẫn đến cự cãi thường xuyên. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 16/02/2013 hiện cháu đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quốc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 03/9/2019, ngày 17/9/2019, ngày 07/10/2019, ngày 25/10/2019 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/10/2012 nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc N. Đối với anh N xác định vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến cự cãi, nay chị D xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra, nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho chị D được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị D, anh N xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 16/02/2013, hiện cháu đang sống với anh chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con và được anh N đồng ý. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt để giao con chung cho người trực tiếp nuôi, xét việc thỏa thuận của anh chị giao con cho chị D tiếp tục nuôi là phù hợp với quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ và được anh N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 dl, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị D, anh N xác định không có nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị D, anh N khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc xin ly hôn anh Nguyễn Quốc N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 16/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 dương lịch, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Quốc N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 8 năm 2019, chị D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000610 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh N phải nộp 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu